

Số: 284/2021/QĐST-HNGĐ

*Đức Trọng, ngày 30 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 438/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thu T**, sinh năm 1997. Trú tại: Số A, thôn H, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1996. Trú tại: Số A, thôn H, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 71; 81; 82; 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Q.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Hai bên thoả thuận, bà Lê Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị NA, sinh ngày 25/4/2020 cho đến ngày thành niên. Ông Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị NA, sinh ngày 25/4/2020 với mức 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày thành niên.

*Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.*

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

- Về án phí: Hai bên thỏa thuận, bà Lê Thị Thu T nhận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số 0007836 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Bà Lê Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA DS huyện;
- UBND xã P;
- Dương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Thị Hạnh**